

BÀI KIỂM TRA SỐ 1 - TIẾNG HÀN

STT	Tiếng Hàn	Tiếng Việt
1	가구	
2		Em bé
3	누구	
4	뒤	
5	도로	
6	그리고	
7	가게	
8	누나	
9		Cự ly, khoảng cách
10	아래	
11	내리다	
12	고기	
13		Tuổi tác
14	어디	
15	나라	
16	노래	
17		Học thuộc

18		Tai
19	어느	
20	도구	
21	다리	
22		Sự an ủi